

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208 /2025/DS-PT;
Ngày: 11/4/2025; ;
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Rên
Bà Lê Thị Thu Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Lê Thị Hồng Vân
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 975/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Nguyễn Đức H, sinh năm 1996;

Địa chỉ: A, ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1997;

2. Ông Ngô Nhật T1, sinh năm: 1995;

3. Bà Ngô Thị Kim T2, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: A, đường số C, khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; ông T1 có mặt, ông T1, bà T2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, luật sư của Công ty luật Luật sư M và cộng sự - chi nhánh M1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: A, đường số C, khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Thiên P, sinh năm 1996;
Địa chỉ: E, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Mạnh H1, sinh năm: 1990; địa chỉ: G, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Nguyễn Như B, sinh năm: 1997;
 2. Ông Huỳnh Nguyễn Phúc H2, sinh năm: 1993;
- Cùng địa chỉ: 2, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Nguyễn Như B và ông Huỳnh Nguyễn Phúc H2: Ông Hàn Dũng Q, sinh năm: 1978; địa chỉ: I, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn – ông Phan Thiên P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Nguyễn Đức H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè, ngày 09/03/2024, ông H có cho ông Phan Thiên P vay số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng (0,1%/ngày), thời hạn vay 02 ngày, giao hẹn đến ngày 11/03/2024 ông P sẽ trả cả gốc và lãi. Lãi suất thỏa thuận miệng không được lập thành văn bản. Ông H giao 500.000.000 đồng cho ông P tại nhà bà Nguyễn Thị Mộng N. Sau khi nhận đủ tiền vay, ông P có viết giấy tay làm bằng chứng đồng thời giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 289870 và bản chính Hợp đồng ủy quyền ngày 15/02/2024 cho ông H. Ông H tự viết tên “Trần Nguyễn Đức H” vào trong chỗ trống trong giấy tay mà ông P chưa sẵn. Hiện nay, bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 289870 và bản chính Hợp đồng ủy quyền ngày 15/02/2024 ông H đang giữ.

Đến hạn, ông P không trả lãi đối với số tiền đã vay và cũng không trả lại tiền gốc, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Thiên P phải trả cho ông Trần Nguyễn Đức H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên cụ thể như sau: lãi trong hạn từ ngày 09/03/2024 đến 11/03/2024 theo lãi suất 20%/năm là 550.000 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 11/03/2024 đến khi xét xử sơ thẩm tạm tính đến 11/5/2024 với lãi suất 30%/năm số tiền 25.000.000

đồng. Tổng cộng số tiền ông Trần Nguyễn Đức H yêu cầu ông Phan Thiên P phải trả là: 525.550.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi số tiền 500.000.000 đồng từ ngày 12/3/2024 đến ngày 12/08/2024 theo lãi suất 0.83%/tháng số tiền 20.750.000đồng. Tổng cộng, ông H yêu cầu ông P trả 520.750.000đồng. Nguyên đơn không có yêu cầu gì đối với tài sản thế chấp là thửa 491 tờ bản đồ số 20 trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Mạnh H1 trình bày:

Ông P không có vay ông H số tiền 500.000.000 đồng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Văn bản bắt đầu bằng “Hôm nay ngày 9/3/2024, tôi tên là” kết thúc bằng “Phan Thiên P”, theo ông P vào thời gian đó ông gặp nhiều khó khăn về tài chính, phải đi vay mượn tiền khắp nơi. Do có mối quen biết với bà N nên ông P có nhờ bà N tìm người cho vay tiền dùm và viết sẵn giấy tay và ký tên, ghi rõ họ tên vào giấy tay với nội dung như sau:

“Hôm nay ngày 9/3/2024, tôi tên là

Phan Thiên P (CCCD số 083096002934)

có mượn của ông

số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 11/3/2024

sẽ hoàn trả lại đầy đủ.

Để làm tin tôi xin thế chấp thửa đất số 491, tờ bản đồ số 20, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre”

Trong giấy tay, ông P để trống tên của người có thể cho ông P vay tiền để khi nào có người cho ông P vay tiền thì ông P ghi tên người đó vào và cùng lập văn bản giao nhận tiền bởi vì khi đó mới xác định được người cho mượn tiền đó là ai, chứng minh thư và địa chỉ ở đâu. Sau đó, ông P chủ động và tự nguyện đưa giấy tay nêu trên cho bà Nguyễn Thị Mộng N. Thời điểm đó, ông P cho rằng nếu bà N không tìm được người có thể cho mình vay tiền thì ông P sẽ thu hồi lại giấy tay nêu trên. Sau khi nhận thấy bà N không tìm được người có thể cho mình vay tiền, ông P có đề nghị nhận lại giấy tay nêu trên nhưng bà N bảo là để chị tìm lại. Ông P không biết lý do vì sao ông H có được giấy tay nêu trên và ghi tên “Trần Nguyễn Đức H” chỗ trống đó. Đến khi ông H khởi kiện tại Tòa án thì ông P mới biết được ông H đang giữ giấy tay mình viết để đi hỏi vay tiền và ghi tên ông H vào chỗ người cho ông P vay tiền. Tại thời điểm trên thì giữa ông H và ông P đã phát sinh mâu thuẫn nên không có việc ông P vay tiền của ông H, bằng chứng là ông P có tố cáo ông H tại cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre. Hơn nữa, tất cả các giao dịch giữa ông P và ông H đều thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Số tiền 500.000.000 đồng

nguyên đơn cho rằng ông P vay của ông H là rất lớn không thể thực hiện thông qua hình thức giao nhận tiền mặt được. Nếu là giao nhận bằng tiền mặt thì đề nghị nguyên đơn cung cấp văn bản giao nhận tiền.

Ông Phan Thiên P không có đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 289870 và bản chính Hợp đồng ủy quyền ngày 15/02/2024 cho ông H. Tại thời điểm ngày 09/3/2024, Hợp đồng ủy quyền giữa bà B với ông P chưa chấm dứt, tuy nhiên ông P không giữ bản chính Hợp đồng ủy quyền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 491 mà bà B giao cho bà N giữ các giấy tờ trên. Do không có việc vay tiền nên ông P không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Nguyễn Như B và ông Huỳnh Nguyễn Phúc H2 là ông Hàn Dũng Q trình bày:

Bà Huỳnh Nguyễn Như B có ủy quyền cho ông Huỳnh Nguyễn Phúc H2 sau đó ngày 15/02/2024 ông Huỳnh Nguyễn Phúc H2 có làm Hợp đồng ủy quyền cho ông Phan Thiên P (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 548, quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD). Tuy nhiên, bà B và ông H2 không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD289870 số vào sổ cấp GCN: CS08303 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/9/2022, cập nhật thay đổi biến động ngày 16/8/2023 và Hợp đồng ủy quyền số công chứng 548, quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD cho ông P. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng ủy quyền nêu trên là do bà Huỳnh Nguyễn Như B giao cho bà Nguyễn Thị Mộng N; sinh năm 1990 (địa chỉ: số C, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre) tại quán cà phê, tuy nhiên hiện tại không nhớ chính xác tại đâu, chỉ nhớ thời gian vào khoảng giữa tháng 04/2024. Do thời gian trước bà B có ủy quyền cho ông Huỳnh Nguyễn Phúc H2, sau đó ông H2 ủy quyền lại cho ông Phan Thiên P để thực hiện công việc theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Phan Thiên P không thực hiện được công việc mà bà B và ông H2 ủy quyền. Vì vậy bà B có lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng ủy quyền nêu trên và giao giấy chứng nhận, Hợp đồng ủy quyền nêu trên cho bà N và nhờ bà N thực hiện việc chuyển nhượng, mua bán (bà Nguyễn Thị Mộng N là người đứng tên trên Giấy chứng nhận trước đó).

Việc ông Trần Nguyễn Đức H tại sao hiện nay đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD289870 số vào sổ cấp GCN: CS08303 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/9/2022 và Hợp đồng ủy quyền số công chứng 548, quyền số 01/2024.TP/CC-SCC/HĐGD bà B và ông H không rõ.

Việc vay mượn tiền giữa ông Phan Thiên P và ông Trần Nguyễn Đức H, ông Huỳnh Nguyễn Phúc H2 và bà Huỳnh Nguyễn Như B không biết và không liên quan. Vì vậy bà B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xem xét việc yêu cầu ông Trần Nguyễn Đức H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD289870 số vào sổ cấp GCN:CS08303 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/9/2022, cập nhật thay đổi biến động ngày 16/8/2023 và Hợp đồng ủy quyền số công chứng 548, quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD cho bà Huỳnh Nguyễn Như B.

Bà B và ông H không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Nguyễn Đức H: Buộc ông Phan Thiên P có nghĩa vụ trả cho ông Trần Nguyễn Đức H số tiền 520.750.000 (Năm trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng gồm tiền nợ gốc 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng và tiền nợ lãi 20.750.000 (Hai mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/9/2024, bị đơn ông Phan Thiên P kháng cáo đề nghị xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo bị đơn thì hợp đồng vay giữa các bên không rõ ràng người cho vay là ai, giao dịch dân sự này vô hiệu không có việc giao nhận tiền và nguyên đơn cũng không chứng minh được việc giao nhận tiền.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm

tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn ông Phan Thiên P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn ông Phan Thiên P kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Trần Nguyễn Đức H khởi kiện bị đơn ông Phan Thiên P yêu cầu trả số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi 20.750.000đồng. Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là bản chính văn bản ngày 09/3/2024 (sau đây gọi là Biên nhận ngày 09/3/2024) của ông Phan Thiên P, bản sao Hợp đồng ủy quyền ngày 15/02/2024, Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS08303 của bà Huỳnh Nguyễn Như B.

Bị đơn ông Phan Thiên P thừa nhận chữ ký trong Biên nhận do nguyên đơn cung cấp là của ông P nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Ông P cho rằng Biên nhận ngày 09/3/2024 do nguyên đơn cung cấp do ông viết sẵn, chưa trống tên người cho mượn để đưa cho bà Nguyễn Thị Mộng N, nhờ bà N tìm người cho ông vay tiền, sau khi tìm được sẽ điền tên vào sau. Ông P cho rằng từ tháng 3/2024 giữa ông và nguyên đơn đã phát sinh mâu thuẫn nên không có việc vay mượn tiền của nguyên đơn.

Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ mà ông P cung cấp cho Tòa án để chứng minh lời trình bày của mình gồm: Đơn tố cáo ngày 22/5/2024, văn bản về việc trả lời đơn tố cáo ngày 23/7/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Giấy biên nhận ngày 22/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre không có cơ sở xác định giữa ông P và ông H đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3/2024 như ông P trình bày.

Đồng thời, căn cứ theo sao kê tài khoản khách hàng và tờ lược giải nội dung chuyển khoản do ông P cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện đến tháng 05/2024 giữa ông P và ông H vẫn còn thực hiện giao dịch chuyển khoản qua lại nên việc ông P trình bày các bên đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3/2024 là không có căn cứ.

[2.3] Căn cứ theo Biên nhận ngày 09/3/2024 “*Hôm nay ngày 09/3/2024, tôi tên là Phan Thiên P (CCCD số: 083096002934) có mượn của ông Trần Nguyễn Đức H số tiền 500.000.000đồng. Ngày 11/3/2024 sẽ hoàn trả lại đầy đủ. Để làm*

tin tôi xin thế chấp thửa đất số 491, tờ bản đồ số 20, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre”.

Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/02/2024, bà Huỳnh Nguyễn Như B thông qua đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Nguyễn Phúc H2 ủy quyền cho ông Phan Thiên P thực hiện các giao dịch liên quan đến thửa đất 491 tờ 20 tại xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. Tại thời điểm ngày 09/3/2024, Hợp đồng ủy quyền giữa bà B và ông P vẫn còn hiệu lực nên việc nguyên đơn cho rằng ông P đưa Hợp đồng ủy quyền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 491 cho ông H2 để làm tin vay tiền là có căn cứ.

[2.4] Biên nhận ngày 09/3/2024 mà bị đơn thừa nhận có viết có nội dung rõ ràng “*có mượn*” nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc ông P trả cho ông H2 số tiền gốc 500.000.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[2.5] Bị đơn cho rằng không có việc vay tiền, bác bỏ toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình.

[2.6] Đối với yêu cầu tính lãi: Căn cứ theo Biên nhận ngày 09/3/2024 các bên không thỏa thuận về lãi suất vay, thời hạn vay thỏa thuận đến ngày 11/3/2024. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và tính lãi từ ngày 12/3/2024 đến 12/8/2024 theo lãi suất 0,83%/tháng của số tiền 20.750.000 đồng là có cơ sở và phù hợp quy định tại các Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2.7] Đối với việc nguyên đơn đang giữ bản chính Hợp đồng ủy quyền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 491 của bà Huỳnh Nguyễn Như B do nguyên đơn không tranh chấp hợp đồng thế chấp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án nên không xem xét. Các đương sự được quyền khởi kiện vụ án khác nếu có tranh chấp.

[2.8] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc ông P có nghĩa vụ trả cho ông H2 số tiền 520.750.000 đồng là có căn cứ.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thiên P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 140/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ: khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Nguyễn Đức H:

Buộc ông Phan Thiên P có nghĩa vụ trả cho ông Trần Nguyễn Đức H số tiền 520.750.000 (Năm trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng gồm tiền nợ gốc 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng và tiền nợ lãi 20.750.000 (Hai mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Phan Thiên P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.830.000 (Hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng.

- Trả lại cho ông Trần Nguyễn Đức H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.139.000 (Mười ba triệu một trăm ba mươi chín nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002581 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Thiên P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002815 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành

án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng